

# **Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 61

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tien	Thành viên	
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên	
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để ngày 29 tháng 8 năm 2023.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 61515943/E-67378261/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 7 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.813.570.456.254</b>	<b>2.754.013.522.716</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>1.034.542.989.272</b>	<b>1.105.171.343.367</b>
111	1. Tiền		711.287.903.908	933.921.980.707
112	2. Các khoản tương đương tiền		323.255.085.364	171.249.362.660
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>489.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		489.500.000.000	1.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>667.968.284.716</b>	<b>802.487.985.993</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	431.382.686.860	765.337.495.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	31.377.572.119	6.461.843.017
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	179.190.000.000	11.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	26.018.025.737	19.688.647.889
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>584.900.313.286</b>	<b>834.287.059.383</b>
141	1. Hàng tồn kho	10	584.900.313.286	834.287.059.383
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>36.658.868.980</b>	<b>10.567.133.973</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	8.926.201.618	2.466.875.965
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	27.732.667.362	1.621.458.616
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	6.478.799.392
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.670.146.502.634</b>	<b>4.719.611.893.006</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.048.819.081</b>	<b>14.564.469.081</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	1.048.819.081	14.564.469.081
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.210.593.679.879</b>	<b>1.295.783.305.396</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.150.660.810.242	1.234.516.181.637
222	Nguyên giá		2.609.083.507.677	2.609.709.836.024
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.458.422.697.435)	(1.375.193.654.387)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	59.932.869.637	61.267.123.759
228	Nguyên giá		79.162.510.029	79.162.510.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.229.640.392)	(17.895.386.270)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>6.139.160.373</b>	<b>6.323.032.562</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	6.139.160.373	6.323.032.562
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>3.406.104.634.849</b>	<b>3.367.663.332.791</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	2.499.766.671.231	2.407.746.671.231
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.2	1.143.203.927.841	1.161.023.927.841
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.1	(236.865.964.223)	(201.107.266.281)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>46.260.208.452</b>	<b>35.277.753.176</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	46.260.208.452	32.822.822.458
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	-	2.454.930.718
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.483.716.958.888</b>	<b>7.473.625.415.722</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (liếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.406.483.217.438</b>	<b>2.441.919.036.549</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.708.444.684.775</b>	<b>1.665.611.466.863</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	339.716.706.507	449.606.957.487
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	93.838.443.004	86.995.754.382
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.846.351.760	31.019.494
314	4. Phải trả người lao động		16.615.635.619	31.969.531.498
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	16.608.265.178	7.941.202.802
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.643.507.137	1.871.469.536
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.221.386.258.257	1.072.573.478.696
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	8.789.517.313	14.622.053.168
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>698.038.532.663</b>	<b>776.307.569.686</b>
338	1. Vay dài hạn	20	698.038.532.663	776.307.569.686
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.077.233.741.450</b>	<b>5.031.706.379.173</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>5.077.233.741.450</b>	<b>5.031.706.379.173</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	823.961.323.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		346.584.068.179	301.056.705.902
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		294.288.511.031	267.215.731.550
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		52.295.557.148	33.840.974.352
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.483.716.958.883</b>	<b>7.473.625.415.722</b>



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Người lập kiểm kê toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.049.901.494.519	2.651.351.607.412
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(105.404.950)	(188.314.928)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.049.796.089.569	2.651.163.292.484
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.847.187.442.885)	(2.299.889.841.921)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		202.608.646.684	351.273.450.563
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	83.590.075.238	40.185.411.262
22	7. Chi phí tài chính	26	(106.095.854.158)	(97.553.121.180)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(60.217.610.349)	(47.400.457.823)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(76.737.070.658)	(168.985.113.621)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(35.795.914.264)	(31.678.292.717)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		67.569.882.842	93.242.334.307
31	11. Thu nhập khác	29	2.945.471.003	2.465.170.543
32	12. Chi phí khác	29	(1.252.003.735)	(27.058.942)
40	13. Lợi nhuận khác		1.693.467.268	2.438.111.601
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.263.350.110	95.680.445.908
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(14.512.362.244)	(25.142.562.979)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(2.454.930.718)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		52.295.557.148	70.537.882.929

Nguyễn Thị Thủy Vân  
Người lập kiểm kê toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		69.263.350.110	95.680.445.908
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12,13	93.359.641.051	90.551.719.154
03	Các khoản dự phòng		35.758.697.942	35.703.866.077
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.464.855.059	1.614.158.163
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(69.613.743.885)	(21.702.456.040)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay)	26	63.738.302.829	49.975.230.551
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		196.971.103.106	251.822.963.813
09	Giảm các khoản phải thu		288.488.971.703	208.691.796.662
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		249.386.746.097	(217.505.060.897)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả		(105.596.425.901)	212.367.548.501
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(7.534.478.955)	8.858.648.508
14	Tiền lãi vay đã trả		(60.567.375.417)	(47.730.700.429)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	-	(33.139.270.057)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(12.600.730.726)	(7.247.417.367)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		548.547.809.907	376.118.508.734
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(9.159.733.826)	(8.901.883.213)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.863.636.364	4.454.545.454
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(706.920.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		50.730.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(74.200.000.000)	(1.182.099.308.297)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	400.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		55.350.902.488	23.631.551.380
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(681.335.194.974)	(1.162.515.094.676)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.603.956.391.215	2.453.836.610.581
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.543.895.133.942)	(2.503.716.109.472)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>60.061.257.273</b>	<b>(49.879.498.891)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(72.726.127.794)</b>	<b>(836.276.084.833)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>1.105.171.343.367</b>	<b>1.363.568.545.921</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.097.773.699	4.003.739.668
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	<b>1.034.542.989.272</b>	<b>531.296.200.756</b>



Nguyễn Thị Thùy Vân  
Người lập kiểm kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.560 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.689 người).

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

#### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 9 công ty con) với chi tiết như sau :

STT	Công ty	30 tháng 6 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
1	Công ty Cổ phần An Tiên Industries ("HI" hoặc "Công ty An Tiên")	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	92,02%	92,02%	92,02%	92,02%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
3	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd. ("Công ty An Thành Singapore") (i)	54,85%	100%	54,85%	100%	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore.	Kinh doanh hạt nhựa
4	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (i)	76,66%	99,69%	76,66%	99,69%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
5	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (i)	54,31%	99%	54,31%	99%	Lô CN11+CN 12, cụm Công nghiệp An Đông, Thị Trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	46,93%	51%	46,93%	51%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

*Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022 : 9 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	30 tháng 6 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
7	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
8	An Phát International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA.	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
9	AFC EcoPlastics, LLC.	75%	75%	75%	75%	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA.	Kinh doanh hạt nhựa
10	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (i)	39,72%	55%	-	-	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
11	Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor") (i)	18,67%	51%	-	-	216, Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea (26362).	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 – 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 12 năm
Phần mềm máy tính	3 – 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 – 47 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Người mua trả tiền trước**

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong kỳ được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo Quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại và kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

##### 4.1 *Mua Công ty PBAT*

Tại ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn thành mua thêm 5.300.000 cổ phiếu của Công ty PBAT và tăng tỷ sở hữu của Công ty tại Công ty PBAT lên 21,15%.

Tại ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty An Tiến – công ty con của Công ty đã hoàn tất giao dịch mua thêm 2.000.000 cổ phiếu của Công ty PBAT, nâng tỷ lệ sở hữu của công ty con này tại Công ty PBAT lên 33,85%. Theo đó, Công ty PBAT chính thức trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm tỷ lệ biểu quyết là 55%.

Công ty PBAT được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0202084468 được cấp lần đầu vào 18 tháng 1 năm 2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và có hoạt động chính là sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

##### 4.2 *Mua Công ty Ankor*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty PBAT, công ty con của Công ty, đã hoàn thành mua 86.982 cổ phiếu của Công ty Ankor, tương ứng với tỷ lệ lợi ích là 47% từ một đối tác doanh nghiệp. Cũng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, đối tác này đã ủy quyền cho Công ty PBAT để thực hiện tất cả các quyền cổ đông của 6.691 cổ phần khác của Công ty Ankor, tương ứng với 4% quyền biểu quyết tại Công ty này. Theo đó, Công ty PBAT nắm tổng tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Ankor là 51% và Công ty Ankor trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Ankor được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 141211 - 0063473 được cấp lần đầu vào 17 tháng 12 năm 2012 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 24 tháng 7 năm 2023. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và phát triển các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, đồng thời triển khai trung tâm nghiên cứu và phát triển của Công ty An Phát trong lĩnh vực nguyên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty này có trụ sở chính tại 216, Munmakgongdangil, Munmak-eup, thành phố Wonju, Gangwon-Do, Hàn Quốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	417.051.757	864.441.282
Tiền gửi ngân hàng	710.870.852.151	933.057.539.425
Các khoản tương đương tiền (*)	323.255.085.364	171.249.362.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.034.542.989.272</u></b>	<b><u>1.105.171.343.367</u></b>

(\*) Là các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 4,75%/năm đến 5,5%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi bằng VND từ 5,1% đến 5,8%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi và tiền tại tài khoản thanh toán của Công ty với tổng giá trị là 69,6 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

Công ty cũng có một khoản tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa với giá trị là 1,5 triệu USD (tương đương 35,1 tỷ VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2023) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty An Phát International, Inc., một công ty con của Công ty, với một ngân hàng thương mại.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Dự phòng</i>
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	489.500.000.000	489.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>489.500.000.000</u></b>	<b><u>489.500.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 5,7%/năm đến 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu từ các bên khác	164.349.246.729	187.778.183.410
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	267.033.440.131	577.559.311.677
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>431.382.686.860</u></b>	<b><u>765.337.495.087</u></b>

Một số khoản phải thu khách hàng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng thương mại của Công ty tại Thuyết minh số 20.

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Trả trước cho các bên khác	16.817.461.336	1.083.131.231
Tập đoàn GS Caltex	12.279.604.277	-
Khác	4.537.857.059	1.083.131.231
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	14.560.110.783	5.378.711.786
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.377.572.119</u></b>	<b><u>6.461.843.017</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31) (*)	179.190.000.000	11.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.190.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

(\*) Thông tin chi tiết khoản phải thu về cho vay bên liên quan như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty An Phát Complex	Công ty con	86.890.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2024.	8,5%	Tin chấp
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	92.300.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 23 tháng 8 năm 2023 đến ngày 13 tháng 4 năm 2024.	8,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>179.190.000.000</b>			

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>Giá trị Dự phòng</i>	<i>Giá trị Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	7.329.123.280	10.399.014.200
Ký quỹ	4.515.673.980	6.599.562.505
Lãi dự thu	13.694.323.439	1.687.938.337
Phải thu khác	478.905.038	1.002.132.847
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.018.025.737</b>	<b>19.688.647.889</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>21.448.575.188</i>	<i>19.433.111.187</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>4.569.450.549</i>	<i>255.536.702</i>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc thuê văn phòng	350.576.081	350.576.081
Phải thu khác	698.243.000	14.213.893.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.048.819.081</b>	<b>14.564.469.081</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu	276.581.246.965	-	508.719.057.466	-
Thành phẩm	104.578.983.104	-	78.840.194.993	-
Hàng mua đang đi đường	102.697.259.912	-	108.018.016.756	-
Công cụ, dụng cụ	25.218.517.183	-	23.221.960.248	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.890.993.500	-	5.114.654.886	-
Hàng hóa	95.396.322	-	-	-
Hàng gửi đi bán	70.837.916.300	-	110.373.175.034	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>584.900.313.286</b>	<b>-</b>	<b>834.287.059.383</b>	<b>-</b>

Một số hàng tồn kho của Công ty với giá trị 411,4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<b>Ngắn hạn</b>	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.585.160.707	868.186.801
Tiền thuê đất trả trước	750.440.468	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.590.600.443	1.598.689.164
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.926.201.618</b>	<b>2.466.875.965</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	38.511.575.511	25.898.104.960
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.509.149.227	4.684.444.979
Chi phí sửa chữa lớn	1.591.447.565	888.376.549
Chi phí trả trước khác	648.036.149	1.351.895.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.260.208.452</b>	<b>32.822.822.458</b>

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	757.034.959.399	1.650.569.947.411	155.103.463.870	7.843.412.734	15.501.270.000	23.656.782.610	2.609.709.836.024
- Mua trong kỳ	-	498.000.000	3.703.980.000	-	-	-	4.201.980.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.421.798.295	-	-	-	-	-	3.421.798.295
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.250.106.642)	-	-	-	(8.250.106.642)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	760.456.757.694	1.651.057.947.411	150.557.337.228	7.843.412.734	15.501.270.000	23.656.782.610	2.609.083.507.677
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	16.451.946.457	291.017.865.771	33.452.966.202	1.824.557.787	2.466.500.000	4.448.160.652	349.662.016.869
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	193.326.072.285	1.042.470.893.860	108.240.632.192	5.900.663.841	8.128.838.276	17.126.553.933	1.375.193.654.387
- Khấu hao trong kỳ	17.338.237.404	64.768.528.557	6.931.878.070	456.687.912	379.192.500	997.445.178	90.871.999.621
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.642.926.573)	-	-	-	(7.642.926.573)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	210.664.309.689	1.107.239.422.417	107.529.583.689	6.357.351.753	8.508.030.776	18.123.999.111	1.458.422.697.435
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	563.708.887.114	608.099.053.551	46.862.831.678	1.942.748.893	7.372.431.724	6.530.228.677	1.234.516.181.637
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	549.792.448.005	543.828.524.994	43.027.753.539	1.486.060.981	6.993.239.224	5.532.783.499	1.150.660.810.242

Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.151 tỷ VND của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	284.500.000	284.500.000
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.414.138.554	481.247.716	17.895.386.270
- Hao mòn trong kỳ	1.266.401.820	67.852.302	1.334.254.122
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	18.680.540.374	549.100.018	19.229.640.392
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	60.672.933.475	594.190.284	61.267.123.759
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	59.406.531.655	526.337.982	59.932.869.637

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 59,4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy của Nhà máy 1 và Nhà máy 5	4.923.026.911	4.029.278.297
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy của Nhà máy 7	1.216.133.462	-
Công trình phụ trợ của Nhà máy số 8	-	2.293.754.265
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.139.160.373</b>	<b>6.323.032.562</b>



## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)					
- Công ty An Tiến (i)	2.499.766.671.231	(236.865.964.223)	2.407.746.671.231	(201.107.266.281)	166.883.214.540
- Công ty An Phát Complex	407.298.831.231	-	407.298.831.231	-	(i)
- Công ty An Vinh	909.600.000.000	-	909.600.000.000	-	(i)
- An Phát International, Inc.	461.395.540.000	-	461.395.540.000	-	(i)
- Công ty An Thành	455.040.300.000	(171.662.503.735)	455.040.300.000	(129.453.480.042)	(i)
- Công ty PBAT	174.412.000.000	(66.203.460.468)	174.412.000.000	(71.653.786.239)	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	92.020.000.000	-	-	-	(i)
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii)	1.143.203.927.841	-	1.161.023.927.841	-	452.899.933.400
- Công ty Nhựa Bao bì Vinh	1.014.494.728.614	-	1.014.494.728.614	-	64.026.315.500
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	74.316.719.775	-	74.316.719.775	-	(i)
- Công ty PBAT	54.392.479.452	-	54.392.479.452	-	(i)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.642.970.599.072</b>	<b>(236.865.964.223)</b>	<b>3.568.770.599.072</b>	<b>(201.107.266.281)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII), Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) và Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HOSE. Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

Cổ phiếu của các công ty còn lại không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(ii) Công ty đã sử dụng 36.622.000 cổ phiếu Công ty An Tiến và 23.718.000 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành tại Thuyết minh số 20.

**Chỉ tiết tính hình tăng, giảm dự phòng các khoản đầu tư dài hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	201.107.266.281	25.821.172.048
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	42.209.023.694	35.703.866.077
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.450.325.752)	-
Số cuối kỳ	<u>236.865.964.223</u>	<u>61.525.038.125</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các khoản đầu tư trực tiếp tại 6 công ty con với tỷ lệ như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5).

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty An Tiến	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty An Phát Complex	92,02%	92,02%	92,02%	92,02%
Công ty An Vinh	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty An Thành	48,69%	99,69%	48,69%	99,69%
Công ty PBAT	21,15%	55,00%	-	-

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 3 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4).

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa loại khuôn mẫu	47,44%	47,44%	47,44%	47,44%
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh")	Khởi 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	34,84%	34,84%	34,84%	34,84%
Công ty Cổ phần giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt (lv)	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	49%	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	-	-	3,24%	30,34%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải trả người bán	307.088.666.374	307.088.666.374	402.750.885.879	402.750.885.879
Công ty Muntajaf	57.074.446.800	57.074.446.800	23.369.541.300	23.369.541.300
Phải trả đối tượng khác	250.014.219.574	250.014.219.574	379.381.344.579	379.381.344.579
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	32.628.040.133	32.628.040.133	46.856.071.608	46.856.071.608
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>339.716.706.507</b>	<b>339.716.706.507</b>	<b>449.606.957.487</b>	<b>449.606.957.487</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước	56.418.843.676	56.418.843.676	52.519.986.275	52.519.986.275
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	37.419.599.328	37.419.599.328	34.475.768.107	34.475.768.107
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.838.443.004</b>	<b>93.838.443.004</b>	<b>86.995.754.382</b>	<b>86.995.754.382</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.034.062.852	-	8.034.062.852
Thuế giá trị gia tăng	-	8.449.265.118	(8.449.265.118)	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.019.494	224.453.365	(232.714.891)	22.757.968
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.661.335.183	(1.661.335.183)	-
Tiền thuê đất	-	789.530.940	-	789.530.940
Các loại thuế khác	-	6.070.219	(6.070.219)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.019.494</b>	<b>19.164.717.677</b>	<b>(10.349.385.411)</b>	<b>8.846.351.760</b>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu/ căn trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.478.799.392	-	(6.478.799.392)	-
Thuế giá trị gia tăng	1.621.458.616	80.107.756.696	(53.996.547.950)	27.732.667.362
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.100.258.008</b>	<b>80.107.756.696</b>	<b>(60.475.347.342)</b>	<b>27.732.667.362</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Trích trước lương tháng 13	9.016.827.645	-
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	7.591.437.533	7.941.202.602
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.608.265.178</b>	<b>7.941.202.602</b>

**19. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	1.454.847.873	698.049.993
Kinh phí công đoàn	425.867.115	152.363.100
Cổ tức phải trả	132.671.543	132.671.543
Phải trả khác	630.120.606	888.384.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.643.507.137</b>	<b>1.871.469.536</b>

**Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh**

B09a-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY**

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Số phát sinh trong kỳ		Chênh lệch		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	tỷ giá	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngắn hạn	907.177.451.299	907.177.451.299	1.603.966.391.215	(1.460.184.377.051)	6.961.792.785	1.057.911.258.248	1.057.911.258.248
Vay dài hạn đến hạn trả	165.396.027.397	165.396.027.397	80.775.000.009	(82.696.027.397)	-	163.475.000.009	163.475.000.009
	<b>1.072.573.478.696</b>	<b>1.072.573.478.696</b>	<b>1.684.731.391.224</b>	<b>(1.542.880.404.448)</b>	<b>6.961.792.785</b>	<b>1.221.386.258.257</b>	<b>1.221.386.258.257</b>
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngắn hạn	311.531.736.356	311.531.736.356	2.095.919.754	(81.789.729.503)	-	231.837.926.607	231.837.926.607
Trái phiếu phát hành	464.775.833.330	464.775.833.330	1.424.772.728	-	-	466.200.606.056	466.200.606.056
	<b>776.307.569.686</b>	<b>776.307.569.686</b>	<b>3.520.692.480</b>	<b>(81.789.729.503)</b>	<b>-</b>	<b>698.038.532.663</b>	<b>698.038.532.663</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.848.881.048.382</b>	<b>1.848.881.048.382</b>	<b>1.688.262.063.704</b>	<b>(1.624.670.133.951)</b>	<b>6.961.792.785</b>	<b>1.919.424.790.920</b>	<b>1.919.424.790.920</b>

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20.	VAY (tiếp theo)		Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
20.1	Vay ngân hàng ngắn hạn				
	Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			
		VND	Nguyên tệ		
	Các khoản vay ngân hàng bằng VND	6.217.381.515	6.217.381.515 VND	7,5%	(1)
	Các khoản vay ngân hàng bằng USD	57.242.306.888	2.412.234 USD	4% - 4,91%	Tin chấp
		994.451.569.845	41.906.935 USD	3,7% - 5%	(1)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.057.911.258.248</b>			

(1) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị là 2.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hải Dương;
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi với giá trị là 58.764.500.000 VND và ngoại tệ các loại của Công ty tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương;
- Khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị là 330.000 USD tại ngân hàng Malayan banking berhad – CN Hà Nội (Maybank);
- 2.500.000 cổ phiếu của Công An Phát Holdings thuộc sở hữu của một đối tác doanh nghiệp của Công ty An Phát Holdings;
- Bảo lãnh cá nhân của một lãnh đạo chủ chốt của Công ty An Phát Holdings;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất thuộc Nhà máy 3 trị giá 95.494.817.723 VND và hàng hóa hình thành từ phương án ngân hàng TMCP Quân đội tài trợ;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 5, Nhà máy 6 và Nhà máy 8; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20.	VAY (tiếp theo)				
20.2	Vay ngân hàng dài hạn				
	Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Các khoản vay ngân hàng bằng VND	395.312.926.616	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 6 năm 2026.	6,15% - 12%	(ii)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>395.312.926.616</b>			
	Trong đó:				
	Vay dài hạn đến hạn trả	163.475.000.009			
	Vay dài hạn	231.837.926.607			

(ii) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị là 2.000.000.000 VND và 45.084,06 USD tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hải Dương;
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi với giá trị là 58.764.500.000 VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương;
- 2.500.000 cổ phần Công ty An Phát Holdings thuộc sở hữu của một đối tác doanh nghiệp của Công ty An Phát Holdings;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 5, Nhà máy 6 và Nhà máy 8;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị khác và một số tài sản khác.

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20.	VAY (tiếp theo)			Lãi suất	Hình thức đảm bảo
20.3	<b>Trái phiếu phát hành</b>				
	Bên mua trái phiếu	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi		
	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	119.029.941.959	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	8%	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể:
	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	148.787.427.459			- 12.240.000 cổ phần của Công An Phát Holdings thuộc sở hữu của một tác doanh nghiệp là cổ đông lớn của Công ty An Phát Holdings;
	Ngân hàng Daegu – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	99.191.618.319			- 16.472.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của Công ty An Phát Holdings;
	Ngân hàng KeB Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	99.191.618.319			- 23.718.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") thuộc sở hữu của Công ty; và
					- 36.622.000 cổ phần của Công ty An Tiên thuộc sở hữu của Công ty.
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>466.200.606.056</b>			
	Trong đó:				
	- Trái phiếu phải trả dài hạn	470.000.000.000			
	- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.799.393.944)			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	14.622.053.168	3.819.443.488
Trích quỹ trong kỳ (*)	6.768.194.871	37.547.641.456
Sử dụng trong kỳ	<u>(12.600.730.726)</u>	<u>(7.247.417.367)</u>
Số cuối kỳ	<u><b>8.789.517.313</b></u>	<u><b>34.119.667.577</b></u>

(\*) Trích quỹ trong kỳ bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 22.1.

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần để phát hành	Thặng dư vốn có phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.264.344.960.000	712.606.123.817	72.330.911.673	11.612.477.781	304.763.373.006	4.365.657.846.277
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	70.537.882.929	70.537.882.929
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(37.547.641.456)	(37.547.641.456)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	3.264.344.960.000	712.606.123.817	72.330.911.673	11.612.477.781	337.753.614.479	4.398.648.087.750
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	301.056.705.902	5.031.706.379.173
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	52.295.557.148	52.295.557.148
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(6.768.194.871)	(6.768.194.871)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	346.584.068.179	5.077.233.741.450

(\*) Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết số 150501/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 15 tháng 5 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	3.822.744.960.000	3.264.344.960.000
Số cuối kỳ	<u>3.822.744.960.000</u>	<u>3.264.344.960.000</u>
<b>Cổ tức đã công bố</b>	-	-

**22.3 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>382.274.496</b>	<b>3.822.744.960.000</b>	<b>382.274.496</b>	<b>3.822.744.960.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>382.274.496</b>	<b>3.822.744.960.000</b>	<b>382.274.496</b>	<b>3.822.744.960.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>382.274.496</b>	<b>3.822.744.960.000</b>	<b>382.274.496</b>	<b>3.822.744.960.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ - USD	22.169.245	13.631.471
Đồng Euro - EUR	36.379	1.557
Bảng Anh - GBP	83	93

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.049.901.494.519</b>	<b>2.651.351.607.412</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.659.212.924.830	1.923.920.779.544
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	382.495.086.575	719.506.272.247
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.193.483.114	7.924.555.621
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(105.404.950)</b>	<b>(188.314.928)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(148.569.928)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(105.404.950)	(39.745.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.049.796.089.569</b>	<b>2.651.163.292.484</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán thành phẩm</i>	1.659.107.519.880	1.923.732.464.616
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng hóa</i>	382.495.086.575	719.506.272.247
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	8.193.483.114	7.924.555.621
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	1.674.444.284.784	1.836.005.169.226
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	375.351.804.785	815.158.123.258

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.771.056.390	19.758.502.511
Cổ tức	30.586.231.200	27.479.452
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.232.787.648	20.399.429.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.590.075.238</b>	<b>40.185.411.262</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn bán thành phẩm	1.443.352.374.872	1.585.493.048.632
Giá vốn bán hàng hóa	403.283.378.582	714.396.793.289
Giá vốn dịch vụ	551.689.431	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.847.187.442.885</b>	<b>2.299.889.841.921</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	63.738.302.829	49.975.230.551
Dự phòng đầu tư tài chính	35.758.697.942	35.703.866.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.598.853.387	11.874.024.552
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.095.854.158</b>	<b>97.553.121.180</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vận chuyển và xuất khẩu	47.472.997.806	158.923.328.655
Chi phí quảng cáo và hoa hồng bán hàng	17.392.721.458	857.221.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.660.233.727	5.612.318.367
Chi phí nhân viên bán hàng	3.420.333.260	2.378.072.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.049.667.509	1.072.697.618
Chi phí khác	1.741.116.898	141.475.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.737.070.658</b>	<b>168.985.113.621</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	11.301.575.031	10.912.711.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.653.147.345	8.367.804.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.130.127.051	7.243.633.850
Chi phí nguyên vật liệu	203.994.399	283.808.664
Chi phí khác	3.507.070.438	4.870.334.563
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.795.914.264</b>	<b>31.678.292.717</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.165.598.717.599	1.274.515.727.909
Chi phí nhân công	131.635.026.975	120.834.821.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.359.641.051	90.551.719.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.414.049.022	259.803.020.190
Chi phí khác	2.409.482.569	5.869.031.027
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.542.416.917.216</b>	<b>1.751.574.319.782</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.945.471.003</b>	<b>2.465.170.543</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.256.456.295	1.916.474.077
Các khoản khác	689.014.708	548.696.466
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.252.003.735</b>	<b>27.058.942</b>
Chi phí bồi thường	1.232.477.078	-
Các khoản khác	19.526.657	27.058.942
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>1.693.467.268</b>	<b>2.438.111.601</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.512.862.244	25.142.562.979
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.454.930.718	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.967.792.962</b>	<b>25.142.562.979</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.263.350.110	95.680.445.908
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	13.852.670.022	19.136.089.182
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí dự phòng không được trừ	8.441.804.739	7.140.773.215
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	1.281.181.664	1.186.092.965
Cổ tức được chia	(6.117.246.240)	-
Chênh lệch tỷ giá	(576.815.061)	(2.421.069.848)
Các khoản điều chỉnh khác	86.197.838	100.677.465
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>16.967.792.962</b>	<b>25.142.562.979</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	-	1.258.758.702	(1.258.758.702)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đo đánh giá khoản mục tiền và phái thu	-	1.196.172.016	(1.196.172.016)	-
	-	<b>2.454.930.718</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>(2.454.930.718)</b>	-

**30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn của thu nhập tính thuế trong tương lai:

Đơn vị tính: VND

Dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài	171.662.503.735
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	6.405.908.321
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>178.068.412.056</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty An Phát Holdings")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty An Tiến")	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. ("Công ty An Thành Singapore")	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol ("Công ty An Thành")	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín")	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
AFC EcoPlastics, LLC.	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nhựa, bao bì Vinh ("Công ty nhựa, bao bì Vinh")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Ancop ("Công ty Ancop")	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát ("Công ty Suất ăn An Phát")	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim ("Công ty Viexim")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)
Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor")	Công ty con (Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Anbio ("Công ty Anbio")	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:  
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Tien	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023)
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023)/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	74.200.000.000	370.134.030.000
		Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	74.200.000.000	370.134.030.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	489.266.079	582.490.009
		Mua dịch vụ	1.094.981.092	-
		Thanh toán phí dịch vụ	1.204.479.200	-
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	264.226.897.351	423.426.721.736
		Thu tiền hàng và dịch vụ	442.768.438.963	346.625.242.119
		Góp vốn vào công ty con	-	107.212.000.000
		Mua hàng hóa	75.725.630.840	22.042.916.059
		Thanh toán tiền hàng	66.153.607.825	-
		Lãi quá hạn thanh toán	-	3.632.388.359
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	20.239.144.200	90.202.540.820
		Thu tiền hàng	22.406.090.850	140.712.385.690
		Mua hàng hóa	29.472.360.150	53.392.082.505
		Thanh toán tiền hàng	40.461.710.002	46.201.463.575
		Lãi quá hạn thanh toán	-	3.952.014.564
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.059.716.661	11.117.719.666
		Thu tiền hàng và dịch vụ	17.772.875.013	7.944.271.964
		Cổ tức được chia	8.596.000.000	-
		Nhận tiền cổ tức	8.596.000.000	-
An Phát International, Inc.	Công ty con	Góp vốn vào công ty con	-	227.805.000.000
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	18.244.698.676	133.407.249.132
		Thu tiền hàng	36.159.784.370	146.611.800.145
		Mua hàng hóa	4.066.172.702	-
		Thanh toán tiền hàng	4.076.320.988	-
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	40.019.789.886	31.282.981.924
		Thanh toán tiền hàng và dịch vụ	43.500.000.000	17.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.363.088.978	6.811.506.495
		Thu tiền hàng và dịch vụ	10.000.000.000	5.007.114.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm: (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
AFC Ecoplastics LLC.	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	11.648.477.240	9.783.309.043
		Thu tiền hàng	13.513.140.909	19.344.710.843
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Gốc BCC đã thu	-	210.000.000.000
		Lãi BCC đã thu	-	70.841.309.754
		Cho vay	144.230.000.000	-
		Thu hồi gốc vay	68.340.000.000	-
		Lãi cho vay	2.572.527.396	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	262.393.184	187.272.727
Công ty An Tín	Công ty con	Mua hàng hóa dịch vụ	35.128.426.115	150.272.008.456
		Thanh toán tiền hàng và phí dịch vụ	40.072.909.418	160.225.046.266
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	601.090.913	697.884.444
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.760.757.968	118.042.149.090
		Thu tiền hàng và dịch vụ	161.409.848.767	100.000.000.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	30.651.832.000	19.953.364.400
		Thanh toán tiền hàng	51.435.833.350	16.925.778.100
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.878.677.330	3.876.151.100
		Thu tiền hàng và dịch vụ	7.428.526.690	4.663.593.929
Công ty Ankor	Công ty con (Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)	Doanh thu bán hàng hóa	2.269.377.600	8.999.200.000
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	Cho vay	92.300.000.000	-
		Lãi cho vay	1.901.904.110	-
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng hóa	-	7.642.977.810
		Mua hàng hóa và dịch vụ	11.427.365.960	-
		Thanh toán tiền hàng và dịch vụ	18.050.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua dịch vụ	8.280.444.272	-
		Thanh toán phí dịch vụ	8.988.185.660	-
		Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	126.022.972	-
Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.703.974.200	-
		Nhận tiền cổ tức	4.703.974.200	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.286.257.000	-
		Nhận tiền cổ tức	17.286.257.000	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.000.000	90.000.000
Các bên liên quan khác	Các bên liên quan khác	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	167.195.633	290.951.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty An Thành	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ cho thuê xe và cho thuê kho	250.459.209.264	402.574.067.084
Công ty Ankor	Công ty con (Từ 29 tháng 6 năm 2023)	Bán hàng hóa	9.889.146.960	8.184.885.120
An Phát International. Inc.	Công ty con	Bán hàng hóa	3.733.643.836	26.207.500.618
Công ty An Vinh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	1.355.747.106	13.562.933.790
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	-	117.425.383.022
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa và cho thuê kho	-	4.521.708.348
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Bán hàng hóa	-	2.166.946.650
Bên liên quan khác		Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê	1.595.692.965	2.915.887.045
			<b>267.033.440.131</b>	<b>577.559.311.677</b>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</i>				
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua dịch vụ	12.586.912.845	3.228.690.598
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)	Mua tài sản	1.000.000.000	-
Công ty Ankor	Công ty con (Từ 29 tháng 6 năm 2023)	Mua hàng hóa	973.197.938	2.150.021.188
			<b>14.560.110.783</b>	<b>5.378.711.786</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty PBAT	Công ty con (Từ 29 tháng 6 năm 2023)	Cho vay	92.300.000.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	86.890.000.000	11.000.000.000
			<b>179.190.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</b>				
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Lãi phải thu	2.596.157.533	23.630.137
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	Lãi phải thu	1.901.904.110	-
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT của Công ty mẹ	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	-	71.101.986
Bên liên quan khác		Phải thu khác	71.388.906	160.804.579
			<b>4.569.450.549</b>	<b>255.536.702</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</b>				
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	17.144.586.101	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	5.595.098.300	23.490.677.650
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	7.152.459.300	18.158.433.300
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	1.309.867.600	1.186.368.360
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ vận tải	719.379.104	3.935.145.162
Bên liên quan khác		Mua hàng hóa và dịch vụ	706.649.728	85.447.136
			<b>32.628.040.133</b>	<b>46.856.071.608</b>

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2)</b>				
Công ty An Tiên	Công ty con	Bán hàng hóa	18.662.020.104	34.361.417.982
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	16.747.631.981	-
AFC Ecoplastics LLC.	Công ty con	Bán hàng hóa	2.009.947.243	114.350.125
			<b>37.419.599.328</b>	<b>34.475.768.107</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</b>				
Công ty An Tín	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.454.847.873	591.374.919
Công ty An Thành	Công ty con	Phải trả khác	-	106.675.074
			<b>1.454.847.873</b>	<b>698.049.993</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	-	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20 tháng 6 năm 2022)	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Tổng giám đốc	371.815.807	394.466.961
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023)/Phó Tổng Giám đốc	320.153.615	268.943.405
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	371.135.463	353.095.800
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2023)	10.000.000	60.000.000
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	285.470.023	259.726.997
Ông Ngô Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 6 năm 2023)	-	110.646.769
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.568.574.908</b>	<b>1.656.879.932</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)*

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

- ▶ Bộ phận sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- ▶ Bộ phận kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa; và
- ▶ Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác gồm cho thuê nhà xưởng, kho bãi, và một số dịch vụ khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày	Hoạt động kinh doanh thương mại		Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại			
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.659.107.519.880	382.495.086.575	8.193.483.114	-	2.049.796.089.569
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.659.107.519.880	382.495.086.575	8.193.483.114	-	2.049.796.089.569
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	215.755.145.008	(20.788.292.007)	7.641.793.683	-	202.608.646.684
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(133.345.296.574)
Lợi nhuận thuần trước thuế					69.263.350.110
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(16.967.792.962)
Lợi nhuận thuần sau thuế					52.295.557.148
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	856.757.341.761	195.189.125.927	1.853.264.950	-	1.053.799.732.638
Tài sản không phân bổ (ii)					6.429.917.226.250
Tổng tài sản					7.483.716.958.888
Công nợ bộ phận	351.654.586.345	80.164.031.421	1.736.531.745	-	433.555.149.511
Công nợ không phân bổ (iii)					1.972.928.067.927
Tổng công nợ					2.406.483.217.438

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Hoạt động sản xuất doanh thương mại	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu					Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.923.732.464.616	719.506.272.247	7.924.555.621	-	2.651.163.292.484
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.923.732.464.616	719.506.272.247	7.924.555.621	-	2.651.163.292.484
<b>Kết quả</b>					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	338.772.997.798	5.109.478.958	7.390.973.807	-	351.273.450.563
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(255.593.004.655)
Lợi nhuận thuần trước thuế					95.680.445.908
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(25.142.562.979)
Lợi nhuận thuần sau thuế					70.537.882.929
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	1.173.574.790.221	436.527.628.930	2.306.810.898	-	1.612.409.430.049
Tài sản không phân bổ (ii)					5.861.215.985.673
Tổng tài sản					7.473.625.415.722
Công nợ bộ phận	389.379.177.337	145.619.696.692	1.603.837.841	-	536.602.711.870
Công nợ không phân bổ (iii)					1.905.316.324.679
Tổng công nợ					2.441.919.036.549

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu về cho vay, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và trái phiếu và quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết về thuê hoạt động***

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	698.890.632	698.890.632
Từ 1 – 5 năm	2.795.562.528	2.795.562.528
Trên 5 năm	68.402.551.730	72.949.585.726
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>71.897.004.890</u></b>	<b><u>76.444.038.886</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	10.754.772.124	12.570.105.456
Từ 1 – 5 năm	5.944.536.365	7.671.270.914
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.699.308.489</u></b>	<b><u>20.241.376.370</u></b>

***Cam kết khác***

Công ty và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bán quyền một số sản phẩm văn bản với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện với bên cấp phép về việc thanh toán số tiền bán quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

***Cam kết bảo lãnh theo hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng thương mại***

Công ty đã ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty An Tiên. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà Công ty An Tiên đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 81.500.000.000 VND.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Người lập kiểm kê toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

